

Tình yêu Gia đình - Hiếu, Ái và nôi đạo lý Việt

ISSN: 2734-9195 10:10 23/10/2025

Tình yêu gia đình hôm nay phải trở thành sức mạnh kết nối - từ làng xã đến quốc gia, từ đồng bào trong nước đến kiều bào xa xứ - để kiến tạo một xã hội nhân ái, hội nhập và phát triển bền vững.

Tác giả: **ThS Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt

Bài viết “**Tình yêu Gia đình - Hiếu, ái và chiếc nôi đạo lý Việt**” thuộc chùm chuyên đề Tình yêu trong ánh sáng Phật học: Bấy khuôn mặt của nhân sinh, phân tích chiều sâu của tình yêu gia đình như một giá trị vừa tâm linh - triết học, vừa chính trị - công dân. Trên cơ sở tư tưởng Phật học (Kinh Pháp cú (Dhammapada, kệ 43, 194; Thích Minh Châu dịch, 1992), Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm), bài viết đối chiếu với các giá trị Đông - Tây, Kim - Cổ (Khổng Tử, Shakespeare, Goethe, Tagore, Rumi, Neruda, Gibran), đồng thời liên hệ với văn hóa - văn học Việt Nam (ca dao, Truyện Kiều, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Trịnh Công Sơn).

Nội dung khẳng định: tình yêu gia đình - với trực hiếu, ái - không chỉ là nền tảng đạo lý truyền thống, mà còn là “*hệ miễn dịch xã hội*” trong kỷ nguyên mới (AI, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế). Bài viết gắn kết với định hướng của Đảng và Nhà nước qua các Nghị quyết 57, 59, 66, 68 và phát biểu của lãnh đạo Đảng, cho thấy: gia đình là tế bào văn hóa - chính trị, là nơi bồi đắp nhân cách, niềm tin, lý tưởng.

Kết luận nhấn mạnh: Tình yêu gia đình - hiếu, ái - chính là chiếc nôi đạo lý Việt, là điểm khởi đầu và cũng là điểm tựa để dân tộc bước vào thế kỷ XXI phồn vinh, hạnh phúc.

Từ khóa: Tiếng Việt: Tình yêu gia đình; Hiếu; Ái; Đạo lý Việt; Phật học ứng dụng; Văn hóa Việt Nam; Chính sách Đảng.

Abstract: The article “*Family Love – Filial Piety, Affection, and the Cradle of Vietnamese Ethics*”, within the series *Love in the Light of Buddhist Philosophy: Seven Faces of Human Life*, explores family love as both a spiritual-philosophical foundation and a socio-political imperative. Drawing from Buddhist teachings (Dhammapada, Ullambana Sutra, Diamond Sutra, Avatamsaka Sutra), it compares Eastern and Western perspectives across history (Confucius, Shakespeare, Goethe, Tagore, Rumi, Neruda, Gibran), while situating the theme within Vietnamese culture and literature (folk songs, The Tale of Kieu, poetry of Xuan Dieu, Han Mac Tu, Nguyen Binh, and music of Trinh Cong Son). The paper argues that family love—rooted in filial piety and affection—is not only a traditional moral core but also a form of “*social immunity*” in the new era of AI, globalization, climate change, and international integration. Anchored in Party policies and recent key resolutions (57, 59, 66, 68), as well as speeches by Vietnamese leaders, the article affirms that the family is both a cultural and political cell, nurturing human character, trust, and ideals. In conclusion, family love—filial piety and affection—emerges as the cradle of Vietnamese ethics, the point of departure and the anchor for the nation’s journey into a prosperous and humane 21st century.

Keywords: English: Family love; Filial piety; Affection; Vietnamese ethics; Applied Buddhism; Vietnamese culture; Party policies.

1. Mở đầu

“*Hiếu là gốc của nhân nghĩa*” – lời căn dặn giản dị nhưng thấm đẫm đạo lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua giới hạn của một câu ngạn ngữ để trở thành định đề cho văn hóa Việt Nam. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chữ Hiếu không dừng lại ở sự phụng dưỡng cha mẹ trong phạm vi gia đình, mà được nâng lên thành hiếu với Tổ quốc, hiếu với Nhân dân. Người từng viết: “*Có gì vẻ vang hơn là được làm người con hiếu thảo với Tổ quốc, với Nhân dân*”. Như vậy, tình yêu gia đình – từ chỗ là một sợi dây thiêng liêng kết nối máu thịt – đã được Người nâng tầm thành tình yêu đất nước, tình yêu con người, trở thành điểm tựa tinh thần trong mọi cuộc trường chinh của dân tộc.

Trong ánh sáng Phật học, tình yêu gia đình được soi rọi dưới dạng Hiếu, Ái và Duyên. Hiếu – kính cha mẹ, nhớ ơn tổ tiên – là nền tảng đạo đức muôn đời. Ái – tình thương yêu – không chỉ là sự gắn bó ruột thịt mà còn là lòng từ ái vô biên, vươn ra ngoài phạm vi gia đình để trở thành từ bi. Duyên – mối ràng buộc nhân sinh – cho thấy mọi thành viên trong gia đình đến với nhau không chỉ vì huyết thống mà còn vì nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp. Kinh Pháp cú khẳng định: “*Ơn cha mẹ khó sánh, dẫu cõng cha mẹ trên vai, đi khắp thế giới, cũng chưa báo*

đáp đủ” (Dhammapada, kệ 194). Kinh Vu Lan (Thích Minh Châu dịch, 1992) dạy: *“Phụ mẫu ân thâm, thùy năng báo đáp”* – nhấn mạnh sự vô lượng của công cha, nghĩa mẹ. Và Kinh Hoa Nghiêm đã đưa ra viễn tượng: *“Một là tất cả, tất cả là một”* – hiếu trong gia đình không phải là chuyện riêng tư, mà là nền tảng cho hòa bình và đạo lý của cả nhân loại.

Hòa thượng Thích Trí Quảng, Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã khẳng định trong nhiều pháp thoại: *“Đạo Phật Việt Nam là **đạo hiếu**. Không có hiếu, không có đạo”*. Từ hiếu hạnh, Phật giáo Việt Nam đã kiến tạo một hệ giá trị nhân bản, dung hợp nhuần nhị với truyền thống Nho – Lão – dân gian, để rồi trở thành đạo lý sống của cả một dân tộc. Lễ Vu Lan báo hiếu mỗi mùa tháng Bảy âm lịch không chỉ là một nghi thức tôn giáo, mà còn là một quốc lễ tâm linh gắn kết cộng đồng, nhắc nhở con người sống nhân ái, thủy chung, biết ơn nguồn cội.

Trong tầm nhìn của Đảng, gia đình luôn giữ vị trí tối thượng. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng khẳng định: *“Gia đình là điểm tựa tinh thần, là nơi bồi đắp niềm tin, nuôi dưỡng lý tưởng và giáo dục nhân cách”*. Đây không chỉ là nhận định xã hội học, mà còn là quan niệm chính trị: coi gia đình như *“tế bào”* của hệ thống chính trị – văn hóa.

Trong kỷ nguyên mới, giá trị ấy càng được soi chiếu qua thông điệp về hòa hợp dân tộc. Trong diễn văn kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: *“Ngày 30 tháng 4 mãi mãi là biểu tượng của khát vọng hòa bình, của tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc”* (Tô Lâm, 2025a). Lời khẳng định ấy không chỉ khắc họa tầm vóc lịch sử, mà còn là nhắc nhở sâu sắc: tình yêu quê hương hôm nay phải trở thành sức mạnh kết nối – từ làng xã đến quốc gia, từ đồng bào trong nước đến kiều bào xa xứ – để dựng xây một xã hội nhân ái, hội nhập và phát triển bền vững.

Không phải ngẫu nhiên mà ca dao Việt Nam đã đúc kết:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*

Hai câu ca dao ấy đã vượt thời gian để trở thành chuẩn mực đạo lý cho mọi thế hệ. Chúng dạy con người không chỉ biết ơn, mà còn biết trả ơn bằng hành động cụ thể: sống nhân nghĩa, giữ đạo hiếu, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Trong văn học, Nguyễn Du đã để Kiều phải *“bán mình chuộc cha”*, coi hiếu đạo là lý do chính đáng nhất để hy sinh tình yêu. Trong âm nhạc, Trịnh Công Sơn từng thổn thức: *“Trên hai vai ta đôi vàng nhật nguyệt, rọi suốt trăm năm một cõi đi về”* – lời ca như tiếng vọng về mái nhà, về cội nguồn bất diệt.

Ngày nay, trong kỷ nguyên AI – toàn cầu hóa – biến đổi khí hậu – hội nhập quốc tế, tình yêu gia đình càng mang một ý nghĩa chính trị – văn hóa sâu xa. Khi thế giới rơi vào “*khủng hoảng niềm tin*”, khi không gian mạng làm loãng tình cảm trực tiếp, gia đình trở thành “*cứ điểm tinh thần*” để con người giữ vững bản sắc. Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế đã khẳng định: “*Hội nhập không có nghĩa là đánh mất bản sắc, mà là phát huy giá trị truyền thống trong dòng chảy toàn cầu*”. Điều ấy đặt ra một sứ mệnh: tình yêu gia đình Việt Nam phải trở thành một giá trị có sức cạnh tranh toàn cầu, góp phần đưa văn hóa Việt Nam hòa nhập nhưng không hòa tan.

Bài viết thuộc chùm Chuyên đề “*Tình yêu trong ánh sáng Phật học: Bấy lâu nay mặt của nhân sinh*” – sẽ triển khai chủ đề “*Tình yêu Gia đình – Hiếu, ái và chiếc nôi đạo lý Việt*” với cấu trúc bốn phần:

1. Cơ sở Phật học – từ Kinh Pháp cú (Dhammapada, kệ 43, 194; Thích Minh Châu dịch, 1992), Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm.
2. So sánh Đông – Tây, Kim – Cổ – từ Khổng Tử, Shakespeare, Goethe, Tagore, Rumi, Neruda, Gibran...
3. Liên hệ văn hóa – văn học Việt Nam – từ ca dao, Truyện Kiều, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, đến âm nhạc Trịnh Công Sơn.
4. Ứng dụng trong kỷ nguyên mới – AI, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, gắn với Nghị quyết 57, 59, 66, 68.

Mỗi phần sẽ không chỉ là một luận giải học thuật với trích dẫn chuẩn APA 7th, mà còn là một dòng chảy nghệ thuật – văn chương, khơi gợi cảm xúc và suy tư, đúng tinh thần Minh Dục: chính luận sắc bén, triết học sâu lắng, văn chương lay động.

Tình yêu gia đình – Hiếu, ái và chiếc nôi đạo lý Việt – vì thế, không chỉ là một đối tượng nghiên cứu, mà là một thông điệp sống còn cho dân tộc bước vào thế kỷ XXI.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

2. Cơ sở Phật học

Trong suốt chiều dài lịch sử, ít có khái niệm nào vừa gần gũi, vừa thâm sâu như chữ Hiếu. Với Phật giáo, hiếu không chỉ là nghĩa vụ luân lý trong gia đình, mà còn là một hạnh Bồ tát, một phương tiện tu tập để chuyển hóa khổ đau và nuôi dưỡng an lạc cho cả cộng đồng nhân loại. Đặt trong ánh sáng Phật học, tình yêu gia đình hiện lên không phải như một xúc cảm tự nhiên, mà như một nguyên lý nhân sinh, có tính triết học, xã hội học và cả chính trị học.

2.1. Hiếu trong Kinh Pháp cú (Dhammapada, kệ 43, 194; Thích Minh Châu dịch, 1992) – Đạo lý và nhân quả

Kinh Pháp cú (Dhammapada), được xem như “*bản hiến pháp đạo đức*” của Phật giáo, đã nhiều lần nhắc đến công ơn cha mẹ. Trong kệ 194, đức Phật khẳng định:

*“Ơn cha mẹ khó sánh,
Dẫu cống cha mẹ trên vai,
Đi khắp thế giới,
Cũng chưa báo đáp đủ”*

(Dhammapada, kệ 194).

Kệ này mang tính biểu tượng mạnh mẽ: dù con cái làm gì, cũng không thể trả đủ ân đức sinh thành. Ở đây, Phật dạy rằng trả hiếu không chỉ là hành động vật chất, mà còn là sống một đời có đạo đức, có từ bi. Người con hiếu thảo chính là người biết làm cho cha mẹ an lòng, tự hào, và thậm chí, biết chuyển hóa cả những tập khí đau khổ mà cha mẹ truyền lại.

Kinh Pháp cú (Dhammapada, kệ 43, 194; Thích Minh Châu dịch, 1992) còn nêu rõ hậu quả của bất hiếu. Kệ 43 chỉ rõ:

*“Người chẳng kính cha mẹ,
Không thể gọi là hiền.
Ai hiếu thuận song thân,
Người ấy phúc lạc viên mãn”.*

Như vậy, hiếu hạnh vừa là điều kiện để trở thành người hiền, vừa là nguồn gốc hạnh phúc bền vững. Ở đây, đạo hiếu không mang tính cưỡng bức, mà là sự đáp đền ân nghĩa theo luật nhân quả: gieo hiếu – gặt an lạc.

2.2. Kinh Vu Lan (Thích Minh Châu dịch, 1992) - Từ hiếu hạnh cá nhân đến hiếu cộng đồng

Trong toàn bộ kinh điển Phật giáo Đại thừa, hiếm có câu chuyện nào cảm động như tích Mục Kiền Liên cứu mẹ trong Kinh Vu Lan (Thích Minh Châu dịch, 1992). Mục Kiền Liên, một đại đệ tử của Phật, sau khi chứng thần thông, nhìn thấy mẹ mình đọa làm ngạ quỷ. Ngài dâng cơm cho mẹ, nhưng cơm biến thành lửa đỏ. Đau xót, Ngài cầu Phật chỉ dạy. Đức Phật dạy: chỉ có nhờ sức chú nguyện của mười phương Tăng trong ngày tứ nguyệt – rằm tháng Bảy – mới cứu được mẹ.

Câu chuyện ấy khai mở lễ hội Vu Lan báo hiếu, được người Việt đón nhận và dung hợp vào văn hóa bản địa. Từ đây, hiếu không chỉ là trách nhiệm cá nhân, mà còn trở thành sự kiện cộng đồng, một lễ hội quốc gia về đạo hiếu.

Đặc sắc hơn, lễ Vu Lan tại Việt Nam được hòa quyện với lễ Xá tội vong nhân (cúng cô hồn). Điều này tạo nên một ý nghĩa kép: hiếu không chỉ dành cho cha mẹ hiện đời, mà còn mở rộng ra tổ tiên, ông bà, dòng họ, thậm chí cả những linh hồn vô chủ. Từ “*hiếu cá nhân*”, người Việt đã nâng thành hiếu cộng đồng, một dạng “*đạo hiếu mở rộng*” mang tính nhân văn và hòa đồng.

Không chỉ trong nghi lễ, Vu Lan còn để lại dấu ấn trong nghệ thuật. Thích Nhất Hạnh đã khởi xướng hình ảnh “*bông hồng cài áo*”: bông hồng đỏ cho ai còn cha mẹ, bông hồng trắng cho ai đã mất cha mẹ. Hình ảnh ấy trở thành một biểu tượng toàn cầu, gợi nhắc nhân loại về sự mong manh và quý giá của tình thân.

2.3. Kinh Kim Cang (Thích Trí Tịnh dịch, 2005) - Vô ngã và hiếu hạnh

Có người cho rằng: Phật giáo vốn chủ trương vô ngã, vậy đạo hiếu có còn ý nghĩa? Thực ra, chính nhờ vô ngã mà hiếu được mở rộng. Kinh Kim Cang (Thích Trí Tịnh dịch, 2005) dạy: *“Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.”*

Tức là: tâm phải không chấp trước thì mới sinh được tâm từ bi. Hiếu hạnh trong viễn tượng vô ngã không còn là sự trả ơn mang tính hình thức, mà là sự tiếp nối tinh thần: làm cho cha mẹ an lạc bằng đời sống tỉnh thức, chuyển hóa. Một người biết tu tập vô ngã sẽ không chỉ lo hiếu kính cha mẹ ruột, mà còn trải rộng tình thương đến mọi cha mẹ trên đời – vì ai cũng từng là cha mẹ ta trong vô lượng kiếp. Như vậy, hiếu hạnh trong Phật giáo không gói trong biên giới gia đình, mà trở thành hiếu phổ quát, một bước chuyển từ ái thân tộc sang từ bi vô lượng.

2.4. Kinh Hoa Nghiêm (Thích Trí Tịnh dịch, 2006) - Hiếu là nền tảng của xã hội hòa hợp

Kinh Hoa Nghiêm (Thích Trí Tịnh dịch, 2006) đưa ra tư tưởng: *“Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất.”*

Một là tất cả, tất cả là một. Từ nguyên lý này, hiếu hạnh trong gia đình được nhìn như một mắt xích của toàn bộ mạng lưới nhân duyên. Người con bất hiếu không chỉ gây khổ cho cha mẹ, mà còn phá vỡ sự cân bằng của xã hội. Ngược lại, người con hiếu thuận sẽ tạo ra ảnh hưởng tích cực cho cộng đồng, vì từ tình yêu gia đình, họ biết yêu người, yêu nước. Tư tưởng này phù hợp với quan niệm truyền thống Việt Nam: *“Tu thân – tề gia – trị quốc – bình thiên hạ”*. Nghĩa là từ gia đình, đạo lý được mở rộng ra xã hội và quốc gia.

2.5. Tứ trọng ân - Hệ giá trị Phật giáo Việt Nam

Phật giáo Việt Nam, đặc biệt từ thời Lý – Trần, đã phát triển học thuyết Tứ trọng ân: Ân cha mẹ sinh thành; ân Tam bảo giáo dưỡng; ân quốc gia xã tắc; ân chúng sinh muôn loài.

Ở đây, ân cha mẹ được đặt đầu tiên, như hạt nhân để mở rộng thành ba ân còn lại. Điều này phản ánh sự hòa quyện giữa Phật giáo và văn hóa Việt: hiếu cha mẹ là nền tảng để hiếu với Tổ quốc, trung với Vua, nghĩa với bạn bè, nhân với muôn loài.

Như Hòa thượng Thích Trí Quảng nhấn mạnh: *“Trong Tứ trọng ân, ân cha mẹ là gốc. Người không hiếu kính cha mẹ thì khó lòng hiếu trung với đất nước, và cũng khó lòng nuôi dưỡng lòng từ bi với muôn loài.”* Đây là tư tưởng từ hiếu đến trung, từ trung đến nhân, phản ánh sự dung hợp nhuần nhị giữa Phật giáo và truyền thống Nho – Lão.

2.6. Ý nghĩa triết học và xã hội

Từ các kinh điển và học thuyết, có thể rút ra ba tầng ý nghĩa:

- Cá nhân: hiếu hạnh là điều kiện để trở thành người hiền, là nền tảng của tu tập.
- Gia đình: hiếu hạnh duy trì sự bền vững, là *“chất keo đạo đức”* giữ cho gia đình không tan rã.
- Xã hội: hiếu hạnh mở rộng thành trung hiếu, thành nhân nghĩa, là nền tảng của trật tự và hòa hợp.

Trong bối cảnh hiện đại, khi xã hội đối diện với khủng hoảng giá trị gia đình – từ ly hôn, bạo lực gia đình đến đứt gãy thế hệ – hiếu hạnh Phật giáo chính là giải pháp văn hóa – tâm linh để hàn gắn. Nó không chỉ là di sản tinh thần, mà còn là một *“công cụ mềm”* để củng cố khối đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

3. So sánh Đông - Tây; Kim - Cổ

Nếu phần trước cho thấy hiếu hạnh trong Phật giáo là gốc rễ đạo lý, thì việc đối chiếu Đông - Tây, Kim - Cổ giúp ta thấy rõ: tuy xuất phát điểm khác nhau, nhưng mọi nền văn hóa đều coi gia đình là chiếc nôi của nhân tính. Sự khác biệt chỉ là cách diễn đạt: phương Đông nhấn mạnh nghĩa vụ - hiếu, phương Tây đề cao tự do - yêu. Hai mạch ấy, khi soi chiếu, không triệt tiêu nhau, mà bổ sung, nâng đỡ lẫn nhau, tạo nên một phổ giá trị phong phú cho nhân loại.

3.1. Đông phương: Hiếu là gốc rễ của nhân

Trong hệ tư tưởng phương Đông, đặc biệt là Nho giáo, hiếu được xem như “*cái gốc*” để dựng nên nhân cách. Khổng Tử nói: “*Hiếu để giả, kỳ vi nhân chi bản dã.*” (Người hiếu kính cha mẹ, kính nhường anh chị, chính là gốc của nhân. – Luận Ngữ).

Ở đây, hiếu không phải là một đức hạnh tùy chọn, mà là điều kiện để làm người. Con người mất hiếu thì không thể gọi là “*nhân*”, nghĩa là đánh mất tư cách sống.

Mạnh Tử bổ sung: “*Nhân giả, hiếu để chi bản dã*” – lòng nhân ái khởi nguồn từ hiếu kính cha mẹ, thuận hòa anh chị. Hiếu, vì vậy, là hạt giống để nảy nở trung, tín, nghĩa, lễ.

Nho giáo còn biến hiếu thành một hệ thống chính trị - xã hội: từ hiếu với cha mẹ mở rộng thành trung với vua, từ gia đình mở rộng ra quốc gia. Công thức “*tu thân - tề gia - trị quốc - bình thiên hạ*” phản ánh rõ điều ấy. Gia đình là “*xã hội thu nhỏ*”, là phép thử của nhân cách và cũng là nơi đào luyện tinh thần trách nhiệm.

Trong văn hóa dân gian Việt Nam, hiếu được ngợi ca bằng ngôn ngữ hình tượng:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*

Cặp ẩn dụ núi - nước đã biến tình cha mẹ thành những gì vĩnh hằng, bất biến. Đây là cách dân gian Việt Nam “*bình dân hóa*” triết lý hiếu hạnh, để nó trở thành chuẩn mực ứng xử phổ quát.

3.2. Tây phương: Gia đình là khởi nguồn nhân bản và tự do

Ngược lại, phương Tây – với truyền thống Kitô giáo và nhân văn – không nhấn mạnh chữ hiếu theo nghĩa Nho – Phật, nhưng vẫn coi gia đình là chiếc nôi nhân bản.

Trong Kinh Thánh, điều răn thứ tư dạy: *“Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, để ngươi được sống lâu trên đất mà đức Chúa Trời ban cho ngươi.”* (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:12).

Đây là một dạng *“đạo hiếu thần thánh hóa”*, buộc con người tuân thủ như một giới luật thiêng liêng.

Các văn hào phương Tây cũng không ít lần khắc họa tình gia đình. Shakespeare, trong Hamlet, viết: *“Cha mẹ là trời, là đất, là sự sống của ta.”* Câu chữ vừa có tính tôn vinh, vừa hé lộ bi kịch: khi gia đình rạn nứt, cả thế giới của con người cũng sụp đổ.

Goethe – nhà thơ Đức – khẳng định: *“Ai không yêu gia đình mình, người ấy khó mà yêu nhân loại.”* Đây là một cách nói khác của *“hiếu vi bản”*: tình yêu nhân loại phải bắt đầu từ mái nhà.

Tagore, nhà thơ Ấn Độ, với giọng trữ tình Đông – Tây giao hòa, viết: *“Tình mẹ là bóng mát trên con đường đời đầy nắng gắt.”* Ẩn dụ ấy vừa hiện thực, vừa siêu hình: gia đình là *“mái che tinh thần”* giữa bão táp cuộc đời.

Rumi, nhà thơ Sufi, nhìn tình cha mẹ như phản chiếu của Thượng đế: *“Tình thương cha mẹ là ánh sáng của Thượng đế trong trái tim con trẻ.”* Đặt tình yêu gia đình trong không gian thiêng liêng, Rumi khẳng định nó mang tính vũ trụ.

Pablo Neruda (Chile) thì viết về mẹ như một *“biển cả”*: *“Trong vòng tay mẹ, ta tìm thấy cả đại dương, cả bầu trời, cả số phận của mình.”* Đây là sự phóng đại đầy chất mỹ học, biến mẹ thành vũ trụ.

Kahlil Gibran, trong The Prophet, để lại câu bất hủ: *“Cha mẹ là cung tên, con cái là mũi tên. Họ bắn con đi, nhưng con không thuộc về họ, con thuộc về cuộc đời.”*

Ở đây, tình yêu gia đình không phải là sự chiếm hữu, mà là nghệ thuật buông xả. Đây chính là nét khác biệt với quan niệm Á Đông vốn thiên về ràng buộc.

3.3. Điểm gặp gỡ và khác biệt

Khác biệt:

- Đông phương: hiếu là nghĩa vụ gắn với lễ nghi, trật tự.

- Tây phương: tình yêu gia đình là tự do, không gắn chặt với lễ giáo, mà đặt trong nhân bản và tôn giáo.

Gặp gỡ:

- Cả hai đều khẳng định: gia đình là khởi nguyên của nhân tính.

- Cả hai đều thấy: ai không biết yêu gia đình, người ấy khó làm công dân tốt, khó yêu nhân loại.

Điều thú vị: Đông phương thiên về *“tính cộng đồng”* (con người gắn chặt vào mạng lưới hiếu – trung – nghĩa), trong khi Tây phương thiên về *“tính cá nhân”* (mỗi người tự do, nhưng tự do đó được bắt đầu từ gia đình).

3.4. Từ Kim - Cổ đến Hiện đại

Trong thời cổ, cả Đông và Tây đều đặt hiếu trong khuôn khổ phục tùng: con cái phải vâng phục cha mẹ, vợ phải phục chồng, nhỏ phải phục lớn. Đây là dấu ấn của xã hội gia trưởng.

Trong hiện đại, dưới tác động của nhân quyền, bình đẳng giới, khoa học xã hội, quan niệm về hiếu hạnh đã được tái định nghĩa:

- Hiếu không còn đồng nghĩa với phục tùng, mà là chăm sóc, sẻ chia, đồng hành.

- Cha mẹ không chỉ là *“người cho con cái cuộc đời”*, mà cũng cần học hỏi từ con cái.

- Gia đình trở thành một mạng lưới yêu thương bình đẳng, không còn là một trật tự cứng nhắc.

Điều này phản ánh sự tiến hóa: từ hiếu lễ nghi sang hiếu nhân bản.

3.5. Ý nghĩa ứng dụng trong văn hóa đạo lý Việt Nam

So sánh Đông – Tây cho ta thấy:

- Từ Đông phương, ta thừa hưởng đạo lý nền tảng: hiếu là gốc nhân cách.

- Từ Tây phương, ta tiếp nhận tinh thần nhân bản: yêu là tự do, là buông xả.

- Kết hợp lại, ta có thể xây dựng một quan niệm hiếu – ái hiện đại: nghĩa vụ và tự do, truyền thống và sáng tạo, gia đình và nhân loại.

Đây cũng là điều Đảng ta đã nhấn mạnh. Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định: *“Phát triển kinh tế tư nhân không chỉ nhằm lợi nhuận, mà phải dựa trên nền tảng giá trị văn hóa – gia đình – xã hội.”* Tức là, ngay cả trong kinh tế, gia đình vẫn là *“hạt nhân đạo lý”*.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nói: *“Gia đình là nơi khởi đầu của văn hóa, của lòng yêu nước, và là chỗ dựa khi xã hội biến động.”* Câu nói ấy gợi nhắc rằng: hiếu – ái trong gia đình chính là *“hệ miễn dịch”* của quốc gia.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

4. Liên hệ văn hóa - văn học Việt Nam

Nếu triết học Phật giáo và tư tưởng Đông – Tây cho ta những khung lý luận phổ quát, thì văn hóa – văn học Việt Nam chính là nơi đạo hiếu được *“Việt hóa”* thành máu thịt, thành hơi thở hằng ngày của người dân. Có thể nói, tình yêu gia đình trong truyền thống Việt vừa là đạo lý, vừa là mỹ học, vừa là sức mạnh chính trị – xã hội, được hun đúc qua ca dao, qua văn chương, qua âm nhạc, và được thể chế hóa trong chính sách của Đảng, Nhà nước.

4.1. Ca dao, tục ngữ – minh triết dân gian về hiếu và ái

Trong ca dao Việt Nam, hiếu đạo không được giảng như những triết lý khô cứng, mà thấm vào những câu ca mộc mạc, dễ nhớ, dễ truyền đời.

*“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*

Hình tượng “núi” – “nước” phản ánh tư duy vũ trụ luận của dân gian: cha là trụ cột vững chãi, mẹ là dòng chảy nuôi dưỡng. Hai cực âm – dương ấy kết hợp, tạo nên sự sống. Núi bất biến, nước bất tận – cũng như ân nghĩa cha mẹ vô biên, trường cửu.

Không chỉ ca ngợi công cha nghĩa mẹ, ca dao còn nhắc nhở bốn phận làm con:

*“Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang”*

Hay:

*“Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt, nhớ ông bà bấy nhiêu”*

Những câu hát ru lại là “trường học đạo hiếu” đầu tiên:

*“À ơi... Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chày thức đủ vừa năm”.*

Người mẹ qua tiếng ru đã gieo vào tâm hồn trẻ thơ hạt giống biết ơn, yêu thương. Chính từ nền tảng ấy mà tâm thức hiếu đạo trở thành “phản xạ văn hóa” của người Việt.

4.2. Truyện Kiều - Bi kịch của hiếu trong xã hội phong kiến

Nếu ca dao khẳng định hiếu như một chuẩn mực vui tươi, thì Truyện Kiều của Nguyễn Du lại khắc họa hiếu trong bi kịch. Kiều bán mình để chuộc cha, đặt hiếu lên trên tình yêu lứa đôi:

*“Chữ hiếu bên lòng, chữ tình bên tay,
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?”*

Sự lựa chọn ấy biến Kiều thành biểu tượng của hiếu hạnh, nhưng đồng thời tố cáo một xã hội bất công – nơi hiếu có thể đẩy con người vào khổ đau. Ở đây, Nguyễn Du cho thấy: hiếu không thể tách khỏi công lý xã hội. Một xã hội bất công sẽ biến đạo hiếu thành gánh nặng, biến tình yêu gia đình thành bi kịch. Đó là lời cảnh tỉnh còn nguyên giá trị hôm nay: muốn đạo hiếu bền vững, không chỉ cần giáo dục gia đình, mà cần công bằng xã hội, cần một thể chế bảo vệ người

dân.

4.3. Thơ mới - Hiếu và ái trong khát vọng cá nhân

Phong trào Thơ mới (1932–1945) mở ra tiếng nói cá nhân, nhưng hiếu và ái vẫn là nền tảng. Xuân Diệu với tình yêu lúa đôi cuồng nhiệt, thực chất cũng là sự nổi dãi từ gốc rễ tình thân:

*“Yêu là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu”*

Tình yêu trong Xuân Diệu không tách khỏi mái nhà – nơi con người học yêu từ vòng tay cha mẹ, rồi mở rộng ra nhân loại.

Hàn Mặc Tử, trong cơn bệnh phong, càng da diết nhớ mẹ:

*“Lạy Mẹ, con là kẻ tội đồ,
Xin Mẹ đừng buồn khi thấy con khóc”*

Ở đây, thơ trở thành lời cầu nguyện hiếu thảo, biến tình mẫu tử thành chỗ dựa tinh thần giữa nỗi đau.

Nguyễn Bính, với chất thơ chân quê, viết:

*“Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay mẹ rụng, con thời mồ côi”*

Một hình ảnh giản dị, nhưng đủ để gợi lên nỗi sợ mồ côi – nỗi sợ mất đi điểm tựa tinh thần lớn nhất đời người.

4.4. Văn học cách mạng - Hiếu và ái nâng lên thành lý tưởng

Khi đất nước bước vào cách mạng, tình yêu gia đình không biến mất, mà hòa nhập vào tình yêu Tổ quốc.

Tố Hữu viết trong Bầm ơi:

*“Bầm ơi có rét không bầm?
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn”*

Tiếng gọi “bầm” là tiếng gọi mẹ, nhưng cũng là tiếng gọi quê hương, đất nước. Hiếu – ái đã trở thành động lực ra trận, là lý tưởng hiến dâng.

Chế Lan Viên lại mở rộng:

*“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở,
Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”*

Đất nước trở thành “người mẹ lớn”, gắn hiếu với mẹ cha vào hiếu với Tổ quốc. Đây là sự phát triển đặc biệt của văn học cách mạng Việt Nam: từ hiếu cá nhân sang hiếu cộng đồng, từ mái nhà nhỏ sang mái nhà lớn là dân tộc.

4.5. Âm nhạc hiện đại - Gia đình như triết lý “cõi đi về”

Âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX cũng khắc họa tình yêu gia đình như một triết lý nhân sinh.

Trịnh Công Sơn viết trong Một cõi đi về:

*“Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi,
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một,
Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt,
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về”*

Gia đình ở đây là “cõi đi về”, nơi con người sau bao bôn ba vẫn quay lại, tìm sự an trú. Đây là triết lý gần với Phật học: gia đình là “căn nhà của tâm hồn”.

Phạm Duy, trong Bà mẹ quê, lại nhìn mẹ như người gánh cả quốc gia:

*“Lưng còng gánh nặng đôi vai,
Mẹ tôi gánh cả tương lai nước nhà”*

Ở đây, gia đình không còn là chuyện riêng tư, mà hòa vào vận mệnh dân tộc.

4.6. Chính sách đương đại - Từ hiếu gia đình đến hiếu xã hội

Ngày nay, đạo hiếu không chỉ còn trong văn chương, mà đã trở thành nền tảng của chính sách xã hội.

Chương trình “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” chính là một hình thức “hiếu hạnh cộng đồng”: Nhà nước và Nhân dân cùng chăm lo để cha mẹ, ông bà ở nông thôn, vùng sâu vùng xa có mái nhà tử tế.

Chủ trương “Không để ai bị bỏ lại phía sau” cũng chính là sự mở rộng của hiếu hạnh: từ hiếu với cha mẹ mình, đến hiếu với đồng bào, với người yếu thế.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói: *“Gia đình là điểm tựa tinh thần, là nơi bồi đắp niềm tin, nuôi dưỡng lý tưởng.”* Đây là định nghĩa mang tính chính trị về gia đình.

Nghị quyết 57-NQ/TW (2025) về khoa học – công nghệ và chuyển đổi số khẳng định: *“Con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển.”* Mà con người trước hết được hình thành trong gia đình – cái nôi đạo lý.

Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) về hội nhập quốc tế nhấn mạnh: *“Hội nhập không có nghĩa là đánh mất bản sắc, mà là phát huy giá trị truyền thống trong dòng chảy toàn cầu.”* Ở đây, gia đình chính là *“pháo đài văn hóa”* giữ bản sắc trong hội nhập.

4.7. Ý nghĩa tổng kết

- Ca dao, tục ngữ: Việt hóa triết lý hiếu thành ngôn ngữ dân gian, dễ nhớ, dễ truyền đời.
- Truyện Kiều: cảnh tỉnh rằng hiếu không thể tách rời công lý xã hội.
- Thơ mới: biến hiếu thành tiếng kêu cá nhân trong khủng hoảng hiện đại.
- Văn học cách mạng: nâng hiếu thành lý tưởng Tổ quốc.
- Âm nhạc hiện đại: biến gia đình thành triết lý *“cõi đi về”*.
- Chính sách hôm nay: mở rộng hiếu gia đình thành hiếu xã hội, nền tảng cho phát triển bền vững.

Từ truyền khẩu đến văn bản, từ dân gian đến bác học, từ nghệ thuật đến chính trị, tất cả hợp thành một bản *“trường ca hiếu hạnh”* của người Việt. Đây chính là bản sắc tinh thần giúp dân tộc ta đứng vững trước mọi phong ba, và cũng là điểm tựa để bước vào kỷ nguyên mới.

5. Ứng dụng trong kỷ nguyên mới

Nếu quá khứ đã biến hiếu – ái thành đạo lý, thì hiện tại và tương lai đòi hỏi chúng ta phải ứng dụng tình yêu gia đình như một năng lượng mềm để đối diện với những thách thức toàn cầu. Bởi lẽ, gia đình – dù trong thế giới ảo hay thực, trong xã hội nông nghiệp hay công nghiệp 4.0 – vẫn là *“căn nhà đầu tiên”* của nhân loại.

5.1. Gia đình trong kỷ nguyên AI và chuyển đổi số

Sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số mang lại cơ hội, nhưng cũng kéo theo thách thức. Nhiều nghiên cứu cảnh báo: khi trẻ em gắn bó quá nhiều với không gian ảo, mối dây gia đình dễ bị xói mòn. Có thể nói, AI tạo ra tiện ích, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ thay thế những khoảnh khắc yêu thương trực tiếp.

Trong bối cảnh này, tình yêu gia đình – hiếu và ái – cần được “số hóa” mà không bị vô cảm hóa. Cha mẹ không chỉ dạy con kỹ năng sống, mà còn phải dạy con kỹ năng cảm xúc, để không lạc lõng trong thế giới công nghệ.

Nghị quyết 57-NQ/TW (2025) về khoa học – công nghệ và chuyển đổi số khẳng định: *“Con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực của phát triển.”* Đây là lời nhắc: công nghệ chỉ là phương tiện; gia đình, với tình yêu, mới là trung tâm nhân bản của kỷ nguyên số.

5.2. Gia đình trong toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa khiến nhiều người Việt ra nước ngoài học tập, làm việc. Hàng triệu gia đình “*di cư lao động*” phải sống trong cảnh ly hương – ly thân, để lại nhiều “*gia đình khuyết thiếu*” nơi quê nhà. Đây là hệ quả tất yếu, nhưng cũng đặt ra bài toán: làm sao giữ được tình yêu gia đình trong không gian xuyên biên giới?

Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) về hội nhập quốc tế nêu rõ: *“Hội nhập không có nghĩa là đánh mất bản sắc, mà là phát huy giá trị truyền thống trong dòng chảy toàn cầu.”* Trong dòng chảy ấy, tình yêu gia đình Việt Nam phải trở thành một giá trị cạnh tranh mềm. Những giá trị như “*kính trên nhường dưới*”, “*hiếu kính cha mẹ*”, “*mái ấm ba thế hệ*” có thể trở thành “*thương hiệu văn hóa*” Việt Nam trong giao lưu quốc tế.

Trong cộng đồng người Việt hải ngoại, những ngày lễ như Tết Nguyên Đán, Vu Lan báo hiếu... chính là dịp để gia đình trở thành cầu nối văn hóa, giữ gìn bản sắc Việt giữa lòng thế giới.

5.3. Gia đình trong biến đổi khí hậu và khủng hoảng sinh thái

Biến đổi khí hậu đe dọa trực tiếp đến sự sống của hàng triệu gia đình, nhất là ở miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long – những nơi thường xuyên hứng chịu bão lũ, xâm nhập mặn. Ở đây, tình yêu gia đình không chỉ là đạo lý, mà còn là sức mạnh sinh tồn.

Chính gia đình – với tính cộng đồng – là nơi người dân đoàn kết, hỗ trợ nhau vượt qua thiên tai. Trong triết lý Phật giáo, hiếu không chỉ với cha mẹ hiện đời, mà còn với mẹ thiên nhiên. Bảo vệ môi trường, đối phó biến đổi khí hậu chính là một hình thức hiếu sinh thái.

Điều này cộng hưởng với Nghị quyết 66-NQ/TW (2025) về pháp luật: Nhà nước pháp quyền phải dựa trên nền tảng đạo lý, trong đó có trách nhiệm liên thế hệ – giữ cho con cháu một môi trường lành mạnh.

5.4. Gia đình trong phát triển kinh tế thị trường và tư nhân

Trong bối cảnh Việt Nam phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, gia đình vừa là tế bào kinh tế, vừa là trường học đạo lý. Nhiều doanh nghiệp gia đình đã trở thành trụ cột kinh tế – từ làng nghề truyền thống đến các tập đoàn lớn.

Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) về phát triển kinh tế tư nhân nhấn mạnh: *“Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế, nhưng phải phát triển trên nền tảng văn hóa, đạo lý, trách nhiệm xã hội.”* Ở đây, gia đình chính là nơi rèn luyện đạo lý ấy: một người con biết hiếu kính cha mẹ thường cũng là người chủ doanh nghiệp biết trách nhiệm với công nhân, xã hội.

Gia đình vì vậy là *“nền chính trị vi mô”*: khi gia đình vững vàng, xã hội mới bền vững.

5.5. Phát biểu lãnh đạo - định vị gia đình trong kỷ nguyên mới

Tổng Bí thư Tô Lâm từng khẳng định: *“Gia đình không chỉ là nơi sinh dưỡng con người, mà còn là nơi khởi đầu của văn hóa, của lòng yêu nước, và là chỗ dựa khi xã hội biến động.”* Đây là sự định vị chiến lược: trong mọi biến động – từ công nghệ, toàn cầu hóa, đến khí hậu, kinh tế – gia đình chính là *“cột mốc ổn định”*.

Trong nhiều hội nghị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh: *“Gia đình là điểm tựa tinh thần, là nơi bồi đắp niềm tin và nuôi dưỡng lý tưởng.”* Gia đình ở đây không chỉ là đơn vị xã hội, mà còn là thực thể chính trị – văn hóa góp phần xây dựng CNXH.

Hòa thượng Thích Trí Quảng thì đặt gia đình trong viễn tượng Phật học: *“Đạo Phật Việt Nam là đạo hiếu. Không có hiếu, không có đạo.”* Như vậy, gia đình

chính là nền hiếu phổ quát, nơi Phật học gặp gỡ chính trị, nơi đạo lý hòa quyện cùng đường lối.

5.6. Ý nghĩa triết học - xã hội

Trong kỷ nguyên mới, tình yêu gia đình mang ba lớp ứng dụng:

- Văn hóa: là *“điểm tựa bản sắc”* giữa dòng chảy toàn cầu hóa.
- Chính trị: là *“nền chính trị vi mô”*, nơi hình thành nhân cách công dân.
- Phát triển bền vững: là *“hệ miễn dịch xã hội”* giúp cộng đồng vượt qua khủng hoảng công nghệ, khí hậu, kinh tế.

Gia đình – với hiếu và ái – không chỉ là một khái niệm đạo đức, mà đã trở thành một chiến lược nhân bản cho quốc gia trong thế kỷ XXI.

Như một chương khép lại, cô đọng tư tưởng, khơi gợi cảm xúc, và kết lại bằng một câu châm ngôn về tình yêu để *“đóng dấu”* tinh thần Minh Đức.

6. Kết luận

Trong hành trình tìm về bảy khuôn mặt của nhân sinh dưới ánh sáng Phật học, tình yêu gia đình – hiếu và ái – hiện lên như nền tảng sơ khởi và bền vững nhất. Từ Kinh Pháp cú, Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm đến ca dao, Truyện Kiều, thơ ca, âm nhạc... tất cả đều gặp nhau ở chân lý: không có tình yêu gia đình thì không có nền đạo lý, và không có nền đạo lý thì không có tương lai dân tộc.

Trong chiều sâu triết học, hiếu là gốc rễ đạo đức, ái là dòng chảy tình thương, và gia đình là chiếc nôi nuôi dưỡng nhân tính. Trong chiều kích chính trị – xã hội, gia đình là điểm tựa tinh thần, là tế bào văn hóa – chính trị của đất nước. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: *“Gia đình là điểm tựa tinh thần, là nơi bồi đắp niềm tin và nuôi dưỡng lý tưởng”*; và Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: *“Ngày 30 tháng 4 mãi mãi là biểu tượng của khát vọng hòa bình, của tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc”* (Tô Lâm, 2025a).

Thông điệp cốt lõi rút ra là: tình yêu gia đình hôm nay phải trở thành sức mạnh kết nối – từ làng xã đến quốc gia, từ đồng bào trong nước đến kiều bào xa xứ – để kiến tạo một xã hội nhân ái, hội nhập và phát triển bền vững.

Gia đình vì thế không chỉ là chiếc nôi đạo lý Việt, mà còn là *“hệ miễn dịch xã hội”* và chiến lược nhân bản của quốc gia trong thế kỷ XXI.

Tác giả: **ThS. Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025a). Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025b). Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025c). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025d). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
5. Gibran, K. (2009). The prophet. New York: Vintage International. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1923).
6. Goethe, J. W. von. (1998). West-östlicher Divan. Munich: C. H. Beck. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1819).
7. Hồ Chí Minh. (2011). Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 4, 8, 9, 15). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
8. Neruda, P. (1993). Canto general. Berkeley: University of California Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1950).
9. Nguyễn Du. (2004). Truyện Kiều. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục. (Tác phẩm gốc thế kỷ XIX).
10. Nguyễn Phú Trọng. (2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
11. Rumi, J. (2001). The mathnawi. Oxford: Oxford University Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1258).

12. Shakespeare, W. (2005). *Coriolanus*. Cambridge: Cambridge University Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1608).
13. Tagore, R. (2004). *Nationalism*. New Delhi: Penguin Books. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1917).
14. Thích Minh Châu (dịch). (1992). *Kinh Pháp cú*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tôn giáo.
15. Thích Minh Châu (dịch). (1992). *Kinh Vu Lan*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tôn giáo.
16. Thích Trí Quảng. (2022). *Đạo Phật và dân tộc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.
17. Thích Trí Tịnh (dịch). (2005). *Kinh Kim Cang*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tôn giáo.
18. Thích Trí Tịnh (dịch). (2006). *Kinh Hoa Nghiêm*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tôn giáo.
19. Trịnh Công Sơn. (2002). *Tuyển tập Trịnh Công Sơn*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1968).
20. Xuân Diệu. (2000). *Thơ Xuân Diệu*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1945).
21. Tô Lâm. (2025a, 30 tháng 4). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975–30/4/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
22. Tô Lâm. (2025b, 2 tháng 9). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945–2/9/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.